

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK XANH PÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 1468/BVĐKXP-VTTTB
Về việc mời chào giá mua sắm trang
thiết bị cho Trung tâm xét nghiệm

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam
Trước hết, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới Quý đơn vị kinh doanh và cung cấp trang thiết bị y tế đã luôn đồng hành, hỗ trợ và hợp tác hiệu quả với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn có nhu cầu tiếp nhận báo giá nhằm phục vụ cho việc tham khảo, xây dựng giá gói thầu và làm căn cứ tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp các thiết bị y tế cho Trung tâm xét nghiệm theo định hướng phát triển khoa phòng năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn. Thông tin cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội)
- Thông tin liên hệ khi cần hỗ trợ, hướng dẫn tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư trang thiết bị và bảo dưỡng máy, số điện thoại: 0243.7342368
- Cách thức tiếp nhận báo giá bản cứng gửi về Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội), *File mềm gửi về địa chỉ mail: phongvattuttb.xanhpon@gmail.com.*
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 22 tháng 04 năm 2025 đến 17h00 ngày 05 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ vật tư, linh kiện phụ kiện (gọi chung là thiết bị):

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy xét nghiệm HbA1C tự động	Chi tiết kèm theo	01	Máy

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
2	Máy xét nghiệm máu lắng tự động	Chi tiết kèm theo	01	Máy
3	Máy rã đông huyết tương	Chi tiết kèm theo	01	Máy
4	Máy xét nghiệm Elisa tự động	Chi tiết kèm theo	01	Máy
5	Máy điện di huyết sắc tố	Chi tiết kèm theo	01	Máy
6	Máy xử lý mô tự động	Chi tiết kèm theo	01	Máy
7	Máy sấy tiêu bản	Chi tiết kèm theo	01	Máy
8	Máy phân tích đàn hồi đồ cục máu	Chi tiết kèm theo	01	Máy
9	Tủ bảo quản huyết tương	Chi tiết kèm theo	01	Cái
10	Máy định danh nhanh vi khuẩn, nấm công nghệ khối phổ	Chi tiết kèm theo	01	Máy
11	Kính hiển vi quang học hai mắt	Chi tiết kèm theo	01	Cái

- Quý đơn vị có thể báo giá một hoặc nhiều hơn một chủng loại trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật của thiết bị;

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội).

2. Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày.

3. Yêu cầu khác: Hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:

- Bản chào giá (Theo mẫu phụ lục 2)
- Bản đáp ứng yêu cầu về cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hoá.
- Cung cấp các tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất thể hiện các thông số đáp ứng yêu cầu cơ bản trong yêu cầu chào giá này của hàng hoá đơn vị chào giá.

- Đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế.

Bệnh viện rất mong sự hợp tác của quý Công ty./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ (đề b/cáo);
- Lưu: VT; VTTTB(2).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Liên Hương

Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị

STT	DANH MỤC
1	Máy xét nghiệm HbA1C tự động
2	Máy xét nghiệm máu lắng tự động
3	Máy rã đông huyết tương
4	Máy xét nghiệm Elisa tự động
5	Máy điện di huyết sắc tố
6	Máy xử lý mô tự động
7	Máy sấy tiêu bản
8	Máy phân tích đàn hồi đồ cục máu
9	Tủ bảo quản huyết tương
10	Máy định danh nhanh vi khuẩn, nấm công nghệ khối phổ
11	Kính hiển vi quang học hai mắt

1. MÁY XÉT NGHIỆM HbA1C TỰ ĐỘNG

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Xuất xứ: Máy chính xuất xứ một trong các nước G7.
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485.
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$

II. Cấu hình kỹ thuật:

Máy xét nghiệm HbA1c tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:

- Máy chính: 01 bộ
- Bộ phụ kiện kèm theo: 01 bộ
- Máy quét barcode cầm tay: 01 cái
- Máy tính: 01 bộ
- Máy in đen trắng: 01 máy
- Bộ hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Máy xét nghiệm định lượng HbA1c tự động hoàn toàn
- Phương pháp xét nghiệm HbA1c được công nhận đạt chuẩn NGSP, không bị ảnh hưởng bởi các biến thể phổ biến HbS, HbE, HbD, HbC
- Nguyên lý đo: Sắc ký lỏng cao áp trao đổi ion pha đảo HPLC hoặc tương đương
- Thời gian phân tích: $\leq 1,1$ phút/ mẫu
- Công suất: ≥ 50 mẫu/ giờ
- Độ lặp lại CV: $\leq 2\%$
- Độ tuyến tính: từ $\leq 4\%$ HbA1c đến $\geq 18\%$ HbA1c
- Loại mẫu: Máu toàn phần
- Lượng mẫu tối thiểu yêu cầu:
 - + $\leq 10 \mu\text{l}$ (với máu toàn phần)
 - + $\leq 0.5 \text{ mL}$ (với máu pha loãng)
- Bộ phận vận chuyển mẫu: Có khả năng nạp mẫu và bỏ mẫu ra liên tục, sức chứa mẫu ≥ 90 mẫu.

- Có vị trí đặt mẫu cấp cứu riêng biệt
- Có bộ đọc mã vạch để đọc mã vạch rời hoặc tích hợp trong máy
- Kim hút mẫu có khả năng đâm xuyên nắp
- Màn hình điều khiển: Màn hình màu, cảm ứng
- Các cổng kết nối:
+ Kết nối 02 chiều với hệ thống LIS
- Bộ máy tính có cấu hình tối thiểu (nếu là bộ máy tính rời):
+ CPU core i5 hoặc hơn, tốc độ $\geq 2,6$ GHz; RAM ≥ 8 GB; Ổ cứng: ≥ 1 TB; Ổ DVD R/W
+ Màn hình LCD: ≥ 21 inch
+ Bàn phím; Chuột quang; Cổng USB
- Máy in laser ngoài: khổ giấy A4, tốc độ: ≥ 12 trang/phút, độ phân giải: ≥ 600 dpi
IV. Yêu cầu khác:
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kỳ: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

2. MÁY XÉT NGHIỆM MÁU LẮNG TỰ ĐỘNG

<u>I. Yêu cầu chung:</u>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Có chứng chỉ CE hoặc chứng nhận của FDA hoặc chứng chỉ JIS
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
+ Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
+ Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
<u>II. Cấu hình kỹ thuật:</u>
Máy xét nghiệm máu lắng tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
- Máy chính tích hợp máy in nhiệt và đầu đọc mã vạch: 01 máy
- Adaptor, dây nguồn, giấy in nhiệt: 01 bộ
- Ống máu lắng (50 ống/hộp): 01 hộp
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
<u>III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:</u>
- Số kênh đo: ≥ 20 kênh đo
- Thời gian phân tích nhanh nhất: ≤ 30 phút
- Khả năng phân tích: ≥ 60 mẫu/giờ
- Khả năng nạp mẫu: ≥ 20 mẫu một lần
- Kiểu nạp: ngẫu nhiên
- Truy cập ngẫu nhiên, theo mẻ phân tích
- Máy in và máy đọc mã vạch tích hợp
- Tự động điều chỉnh nhiệt
- Phương pháp đo: Hồng ngoại hoặc tương đương
- Mức mẫu cho phép trong khoảng: từ 50mm đến 60mm ống lắng máu
- Màn hình hiển thị: LCD hoặc tương đương
- Cổng kết nối giao diện RS 232 hoặc tương đương
- Có lưu trữ dữ liệu kết quả bệnh nhân

- Kết nối với hệ thống LIS
<u>IV. Yêu cầu khác:</u>
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: $\geq$ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

3. MÁY RÃ ĐÔNG HUYẾT TƯƠNG

<u>I. Yêu cầu chung:</u>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Có chứng chỉ CE hoặc chứng nhận của FDA hoặc chứng chỉ JIS
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
+ Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 30 độ C
+ Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
<u>II. Cấu hình kỹ thuật:</u>
Máy rã đông huyết tương kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
- Máy chính: 01 cái
- Giấy khô (để hút ẩm và cảnh báo lây nhiễm khi máy bị ẩm): 01 hộp
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh - Việt: 01 bộ
<u>III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:</u>
- Cài đặt được nhiệt độ rã đông được trong khoảng từ: 37 độ C đến 45 độ C,
- Độ chính xác nhiệt độ hiển thị: ≤ 0.1 độ C hoặc $\leq 5\%$
- Sử dụng làm ấm cho:
+ Hồng cầu
+ Huyết tương
+ Tế bào gốc
+ Các dung dịch truyền máu
+ Các chế phẩm đông lạnh
- Có khả năng rã đông tối đa ≥ 8 túi máu
- Có thể tăng giảm thời gian rã đông đối với trường hợp khẩn cấp
- Phương pháp làm nóng khô, không tiếp xúc trực tiếp với nước khi rã đông túi máu/ huyết tương không tiếp xúc trực tiếp với nước
- Có cảm biến giúp kiểm soát nhiệt độ, phát hiện rò rỉ
- Tự động kiểm tra và báo lỗi khi máy gặp sự cố
- Có màn hình hiển thị
- Có chức năng cảnh báo bằng âm thanh

IV. Yêu cầu khác:

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: $\geq$ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

4. MÁY XÉT NGHIỆM ELISA TỰ ĐỘNG

<u>I. Yêu cầu chung:</u>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Có chứng chỉ CE hoặc chứng nhận của FDA hoặc chứng chỉ JIS
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
+ Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
+ Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
<u>II. Cấu hình kỹ thuật:</u>
Máy xét nghiệm ELISA tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
- Máy chính: 01 bộ
- Đầu đọc barcode: 01 cái
- Máy tính tích hợp hoặc rời: 01 bộ
- Máy in: 01 bộ
- Bộ hoá chất chạy thử ban đầu: 01 bộ
- Phần mềm: 01 bộ
- Bộ lưu điện: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ
<u>III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:</u>
Tính năng chung:
- Máy ELISA tự động hoàn toàn được thiết kế để tự động hoá việc kiểm tra các xét nghiệm miễn dịch
- Số vị trí khay đầu col: ≥ 5
- Số đầu col trên 1 khay: ≥ 96
- Khu vực phân phối: ≥ 4 khay phản ứng
- Đa xét nghiệm trên khay: ≥ 12 xét nghiệm
- Lưu trữ kết quả xét nghiệm
- In kết quả: In theo xét nghiệm hoặc bệnh nhân
- Kết nối với hệ thống LIS

Bộ phân phối mẫu và thuốc thử:
- Đầu col dùng 1 lần, được quản lí tự động bằng phần mềm
- Độ chính xác (mẫu và thuốc thử):
+ $CV \leq 5\%$ với 100 uL.
- Phát hiện nghẹt
- Khuấy cho ống pha loãng và khay phản ứng
- Đa phân phối
- Thời gian phân phối mẫu: ≤ 20 phút/96 well (100 uL/well)
- Thời gian phân phối thuốc thử: ≤ 6 phút/96 well (100 uL/well)
Bộ phân định danh mẫu:
- Có Bộ phân định danh mẫu
- Định danh đầu đọc barcode cho các tube mẫu, control và thuốc thử
- Định danh đầu đọc barcode cho khay phản ứng
Bộ phân ủ nhiệt:
- Sức chứa buồng ủ: ≥ 4 buồng ủ độc lập với chức năng rung hoặc lắc
- Dải nhiệt độ: Hơn 7 độ C so với nhiệt độ phòng cho tới ≥ 45 độ C
- Độ chính xác: $\pm \leq 1$ độ C ở giữa khay mẫu
Bộ phân rửa:
- Dung lượng: ≥ 4 loại nước rửa
- Đầu rửa: ≥ 8 kênh
- Độ chính xác: $\leq 5\%$ CV ở 300 uL
- Thể tích thừa:
+ ≤ 2.5 uL với well có đáy hình chữ U
+ ≤ 4 uL với well đáy phẳng
Bộ phân đọc:
- Kênh: ≥ 8 kênh
- Dãy quang phổ: từ ≤ 400 đến ≥ 700 nm
- Bộ lọc: ≥ 6 vị trí, tối thiểu 3 vị trí có sẵn (tiêu chuẩn 405, 450, 620 nm)
- Thời gian đọc: ≤ 15 giây
- Độ tuyến tính: 0 - ≥ 2.000 đơn vị hấp thu $\pm 1\%$

- Độ chính xác: $\pm \leq 0.005$ đơn vị hấp thu hay 2.5%
Khu vực pha loãng mẫu
- Phương pháp: Pha loãng trong ống nghiệm hoặc pha loãng trong khay
- Số vị trí pha loãng: ≥ 160
- Số vị trí đặt hóa chất: ≥ 6
Bộ máy tính (nếu là bộ máy tính rời):
- CPU intel core I5-12000 hoặc tương đương hoặc cao hơn
- Bộ nhớ: $\geq 8\text{Gb}$
- Ổ cứng SSD: $\geq 256\text{Gb}$
- Màn hình LED: ≥ 21 inch, độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel
- Chuột, bàn phím
Máy in:
- Máy in laser: in trắng đen, khổ giấy A4
- Tốc độ in: ≥ 12 tờ/ phút
Bộ lưu điện:
- Bộ lưu điện 220V, công suất: ≥ 2 kVA
<u>IV. Yêu cầu khác:</u>
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kỳ: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

5. MÁY ĐIỆN DI HUYẾT SẮC TỔ

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$

II. Cấu hình kỹ thuật:

Máy điện di huyết sắc tố kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:

- Máy chính: 01 cái
- Màn hình: 01 cái
- Máy in: 01 cái
- Bộ hóa chất để thử máy: 01 bộ (≥ 50 mẫu xét nghiệm)
- Bộ lưu điện UPS: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Công nghệ: Điện di mao quản tự động hoàn toàn
- Số ống mao quản sử dụng cùng lúc: ≥ 2
- Tự động thực hiện các quy trình:
 - + Nhận diện mẫu
 - + Pha loãng mẫu
 - + Vệ sinh mao quản
 - + Bơm mẫu vào mao quản
 - + Di chuyển, phát hiện, xử lý kết quả và gửi qua mạng máy tính
- Các xét nghiệm thực hiện trên máy gồm:
 - + Điện di huyết sắc tố (Hb)
- Có chức năng tự động trộn mẫu và đâm xuyên nắp trên xét nghiệm Hemoglobin
- Công suất:
 - + Hemoglobin: ≥ 8 mẫu/giờ
- Có chức năng đọc mã vạch cho:
 - + Ống thuốc thử
 - + Ống chứa chất kiểm chuẩn

+ Ống chứa mẫu chính, các mẫu đối chứng
- Loại mẫu sử dụng: máu toàn phần với ống đóng nắp
- Thể tích mẫu:
+ Dung tích mẫu tối thiểu trong ống chính: 1000 μ l (1ml)
+ Dung tích mẫu tối thiểu trong các ống hình nón: 200 μ l
- Bộ phận nạp mẫu:
+ Quản lý được: ≥ 30 cốc thuốc thử trên hệ thống nạp tự động
+ Công suất nạp: ≥ 200 ống mẫu
+ Có khả năng nạp mẫu liên lục
- Có chương trình xử lý dữ liệu:
+ Lưu trữ và phân tích dữ liệu: ≥ 2400 bệnh nhân
+ Phát hiện có các giá trị bất thường
+ Tính toán thống kê xuất theo chương trình phân tích
+ Truy xuất dữ liệu dưới dạng số và biểu đồ
- Máy tính:
+ CPU: Intel Core i5 hoặc cao hơn
+ RAM: ≥ 4 GB
+ Ổ cứng lưu trữ: ≥ 500 GB
+ Hệ điều hành: Windows có bản quyền
- Màn hình:
+ Kích thước: ≥ 17 inch
+ Độ phân giải: $\geq 1280 \times 1024$ pixel
- Máy in màu:
+ Công nghệ in: in phun màu
+ Tốc độ in: ≥ 25 trang/phút in đen trắng; ≥ 15 trang/phút in màu
+ Độ phân giải: $\geq 5700 \times 1400$ dpi
+ Khổ giấy in: A4, A5, A6
+ Cổng giao tiếp tối thiểu có: USB
- Bộ lưu điện online
+ Công suất: ≥ 2 KVA
+ Điện áp và tần số vào/ra: 220VAC/50Hz
- Kết nối 2 chiều với hệ thống LIS
IV. Yêu cầu khác:
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.

- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

6. MÁY XỬ LÝ MÔ TỰ ĐỘNG

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Xuất xứ: Máy chính xuất xứ một trong các nước G7
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$

II. Cấu hình kỹ thuật:

Máy xử lý mô tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:

- Máy chính: 01 máy
- Giỏ chứa mẫu: 02 chiếc
- Bình chứa hóa chất: 02 chiếc
- Bình chứa sáp: 01 chiếc
- Bộ lọc hơi độc: 01 chiếc
- Bộ lọc Formaldehyde hoặc Carbon hoạt tính: 01 bộ
- Bộ hóa chất thử máy: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

Tính năng chung:

- Máy chuyển bệnh phẩm dạng kín hoàn toàn kiểm soát hóa chất, hơi độc
- Công suất xử lý ≥ 300 mẫu/ 01 lần
- Hệ thống thông hơi để ngăn ngừa sự thoát ra các hơi hóa chất độc hại nguy hiểm
- Khuấy trộn liên tục: Tuần hoàn hóa chất liên tục xung quanh mẫu bệnh phẩm
- Hóa chất được gia nhiệt trước
- Số bình chứa paraffin: ≥ 3 bình
- Nhiệt độ làm chảy paraffin: từ ≤ 45 độ C đến ≥ 60 độ C
- Có hệ thống quản lý hóa chất, hiển thị sự tiêu hao hóa chất
- Lựa chọn gia nhiệt hóa chất trước khi đi vào buồng chứa mẫu
- Pin dự phòng hoặc UPS: cho phép duy trì báo động đến ≥ 3 giờ
- Có khả năng bảo vệ tránh xâm nhập trong quá trình sử dụng, có thể kết nối với bộ báo động từ xa

- Máy có cổng kết nối USB hoặc tương đương
Hệ thống điều khiển, hiển thị:
- Điều khiển chương trình: Người sử dụng hàng ngày có thể lựa chọn và khởi động chương trình xử lý mẫu hoặc chu trình làm đầy
- Hệ thống điều khiển: Điều khiển tất cả các chương trình trên màn hình cảm ứng hoặc LCD hoặc tương đương
- Màn hình cảm ứng hoặc LCD hoặc tương đương điều khiển cho phép người dùng hàng ngày biết hoặc hoãn các yêu cầu quay vòng hóa chất . Có thể cài đặt các mức độ giới hạn từ màn hình chính
- Số chương trình hoạt động: ≥ 10 chương trình
- Số chương trình rửa: ≥ 4 chương trình
<u>IV. Yêu cầu khác:</u>
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

7. MÁY SẤY TIÊU BẢN

<u>I. Yêu cầu chung:</u>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
+ Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 30 độ C
+ Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
<u>II. Cấu hình kỹ thuật:</u>
Máy sấy tiêu bản kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
- Máy chính: 01 máy
- Bàn sấy: 01 cái
- Dây nguồn: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ
<u>III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:</u>
- Thiết bị sử dụng bộ điều khiển nhiệt độ kỹ thuật số giúp kiểm soát nhiệt độ.
- Kích thước mặt bàn: $\geq 300\text{mm} \times 250\text{mm} \times 80\text{ mm}$ (LxWxH) ($\pm 5\%$)
- Dải nhiệt độ: từ nhiệt độ môi trường đến ≥ 75 độ C
- Độ chính xác điều khiển nhiệt độ: $\pm \leq 1$ độ C
- Công suất: có thể tải cùng lúc ≥ 20 slide
- Công suất: $\geq 300\text{W}$
- Tích hợp bảo vệ quá nhiệt và an toàn nhiệt
<u>IV. Yêu cầu khác:</u>
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

8. MÁY PHÂN TÍCH ĐÀN HỒI ĐỒ CỤC MÁU

<u>I. Yêu cầu chung:</u>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
+ Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
+ Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
<u>II. Cấu hình kỹ thuật:</u>
Máy phân tích đàn hồi đồ cục máu kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
- Máy chính: 01 cái
- Màn hình cảm ứng theo máy: 01 cái
- Bàn phím máy tính theo máy: 01 cái
- Pipette điện tử tự động hút mẫu theo máy: 01 cái
- Hóa chất kèm theo máy: 01 Bộ (100 test)
- Bộ quét mã vạch: 01 bộ
- Khay đựng hóa chất: 01 bộ
- Khay đựng vật tư tiêu hao: 01 bộ
- Máy in màu: 01 cái
- Bộ lưu điện UPS: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ
<u>III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:</u>
- Thiết bị có: ≥ 04 kênh tự động đo và phân tích độc lập liên tục
- Có bộ ổn định nhiệt độ mẫu gắn cố định trên thân máy, đảm bảo giữ mẫu luôn ở nhiệt độ 37 độ C
- Khả năng lưu trữ: ≥ 320 Gb, có thể lưu trữ ≥ 90.000 dữ liệu bệnh nhân
- Công suất xét nghiệm tối đa: ≥ 15 xét nghiệm/ giờ
- Thông số phân tích: ≥ 30 thông số
- Các loại xét nghiệm:
+ INTEM đánh giá đông máu nội sinh
+ EXTEM đánh giá đông máu ngoại sinh

+ FIBTEM đánh giá đông máu ngoại sinh có bổ sung chất ức chế tiểu cầu, đánh giá trực tiếp fibrinogen và đánh giá gián tiếp tiểu cầu
+ APTTEM đánh giá đông máu ngoại sinh có bổ sung chất ức chế tiêu sợi huyết, đánh giá hoạt động của hệ tiêu sợi huyết
+ HEPTTEM đánh giá con đường đông máu nội sinh có bổ sung chất ức chế heparin để đánh giá ảnh hưởng của heparine
- Màn hình:
+ Màn hình LCD cảm ứng hoặc tốt hơn, kích thước: ≥ 14 inch
+ Độ phân giải: $\geq 1024 \times 768$ pixels
+ Có khả năng nhận lệnh khi người sử dụng đeo găng tay
- Pipette điện tử: Tự động hút mẫu theo trình tự lập trình của máy
- Bộ quét mã vạch:
+ Quét mã vạch của bệnh nhân, mã vạch của mẫu máu hay mã vạch của hóa chất
+ Có quét được dạng bar code hoặc QR code
+ Lấy ra dữ liệu bệnh nhân từ cơ sở dữ liệu
- Nhập thông tin bệnh nhân trực tiếp trên hệ thống máy
- Kết nối với hệ thống thông tin của Bệnh viện theo tiêu chuẩn LIS/HIS
- Máy in màu:
+ Công nghệ in phun màu
+ Tốc độ in: ≥ 15 trang/phút
+ Kích cỡ giấy in: Từ A4 đến B5
+ Số lượng khay giấy: ≥ 01 khay
+ Độ phân giải in màu tối đa: $\geq 4800 \times 1200$ dpi
Bộ lưu điện:
- Công suất: ≥ 2 KVA
- Nguồn vào, nguồn ra: 220V/50 Hz
<u>IV. Yêu cầu khác:</u>
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.

- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

9. TỦ BẢO QUẢN HUYẾT TƯƠNG

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$

II. Cấu hình kỹ thuật:

- Hệ thống máy chính: 01 cái
- Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Tủ đứng loại để sàn, có 4 bánh xe di chuyển, có chốt khoá bánh
- Dung tích: ≥ 690 lít
- Có bảng điều khiển hiển thị và điều chỉnh nhiệt độ tủ
- Bề mặt tủ làm bằng vật liệu dễ lau chùi vệ sinh bằng chất tẩy rửa, chống ăn mòn oxy hóa
- Giá để: ≥ 5 giá, mỗi giá gồm 2 khay
- Thay đổi được khoảng cách các ngăn, tải trọng mỗi khay: ≥ 15 kg
- Phạm vi cài đặt nhiệt độ: trong khoảng từ -35 độ C đến -18 độ C
- Phạm vi kiểm soát nhiệt độ: trong khoảng từ -30 độ C đến -20 độ C
- Hệ thống đèn cảnh báo và còi báo động khi xảy ra sự cố
- Đèn cảnh báo tại ngưỡng cao/thấp ở mức ± 5 độ C
- Đèn báo khi mất điện
- Môi chất làm lạnh R404a hoặc R290
- Độ ồn: ≤ 60 dB

IV. Yêu cầu khác:

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kỳ: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành

- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

11/11/2018 - 2/10/18

10. MÁY ĐỊNH DANH NHANH VI KHUẨN, NẤM CÔNG NGHỆ KHỐI PHỔ

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
- Điện nguồn sử dụng: 220V/ 50Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 25 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$
- Xuất xứ: máy chính một trong các nước G7

II. Cấu hình kỹ thuật:

Máy định danh nhanh vi khuẩn, nấm công nghệ khối phổ kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:

- Máy chính: 01 cái
- Máy tính phân tích kết quả: 01 cái
- Bộ lưu điện: 01 cái
- Máy in: 01 cái
- Hóa chất chạy thử: 01 bộ (1500 tests)
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

Đặc tính chung:

- Định danh vi khuẩn nhanh vi sinh vật
- Nguyên lý: Kỹ thuật xác định phổ khối lượng dựa trên thời gian bay của mẫu ion hóa/giải hấp nhờ hỗ trợ của chất nền và laser
- Công suất mẫu: ≥ 96 mẫu trong một lần chạy

Cơ sở dữ liệu:

- Dữ liệu định danh IVD: ≥ 1.500 loài bao gồm vi khuẩn và nấm men, nấm sợi, mycobacteria và Norcadia
- Cơ sở dữ liệu IVD: ≥ 10.000 chủng
- Kết quả đưa ra phân biệt được các loài gần giống nhau
- Cơ sở dữ liệu được cập nhật với các loài mới nổi hoặc thay đổi phân loại

Tính năng kỹ thuật:

- Máy tính ngoài hoặc tích hợp trên máy chính
- Máy chính có khả năng tự động đọc mã vạch của thẻ
- Có thể yêu cầu lấy thẻ ra đơn lẻ hoặc theo mẻ
- Khả năng nạp mẫu: Có thể nạp mẫu liên tục hoặc nạp riêng lẻ
- Đọc mã vạch tự động: Mã vạch của từng thẻ sẽ được đọc tự động bên trong máy
- Mẫu phân tích: Mẫu sử dụng từ khuẩn lạc nuôi cấy. Thời gian nuôi cấy cho phép đối với vi khuẩn thông thường và nấm men từ $\leq 18\text{h}$ đến $\geq 72\text{h}$
- Có mẫu Kiểm tra chất lượng định danh vi khuẩn và nấm men
- Có tính năng tự động căn chuẩn máy
- Không yêu cầu thực hiện bảo trì bởi người sử dụng
- Ổn định của mẫu sau khi đã chuẩn bị (sau khi nhỏ chất nền và để khô): ≥ 72 giờ với vi khuẩn, nấm men và Mycobacterium

Hóa chất:

- Bộ hóa chất đạt chứng nhận IVD

Phần mềm trung gian:

- Có phần mềm kết nối với hệ thống thông tin phòng thí nghiệm (LIS)

Thông số kỹ thuật của máy chính:

- Thông số Laser:
 - + Loại: Class 4 hoặc Laser thông minh (smartbeam™ laser),
 - + Tuổi thọ laser: ≥ 100 tỷ lần bắn (phát) hoặc $\geq 500.000.000$ lần phát

IV. Yêu cầu khác:

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kỳ: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

- Nhà thầu cam kết Phần mềm quản lý quy trình làm việc của phòng xét nghiệm vi sinh từ việc tiếp nhận yêu cầu đến chuyển kết quả, lưu trữ và hiển thị dữ liệu về máy xét nghiệm

- Nhà thầu cam kết Thực hiện các báo cáo thống kê vi sinh: tỷ lệ phần trăm vi sinh vật phân lập, tích lũy phiên giải kháng sinh đồ, tích lũy giá trị MIC, báo cáo vi khuẩn đa kháng thuốc, xu hướng xuất hiện vi sinh vật, tạp nhiễm cấy máu

11. KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC 2 MẮT

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng: 220-240VAC, 50/60 Hz
- Điều kiện hoạt động:
 - + Nhiệt độ môi trường tối đa: ≥ 30 độ C
 - + Độ ẩm môi trường tối đa: $\geq 70\%$

II. Cấu hình kỹ thuật:

Kính hiển vi quang học 2 mắt kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:

- Thân kính: 01 chiếc
- Mâm gắn vật kính loại 5 vị trí: 01 cái
- Bàn để mẫu cơ học: 01 cái
- Cụm đèn chiếu sáng LED: 01 cái
- Phin lọc cân bằng trắng: 01 cái
- Ống kính quan sát: 01 bộ
- Vật kính 4x hoặc 5x: 01 cái
- Vật kính 10x: 01 cái
- Vật kính 20x: 01 cái
- Vật kính 40x: 01 cái
- Vật kính 100x dầu: 01 cái
- Dầu soi dùng cho vật kính 100X: 01 lọ
- Hộp tụ quang 0.9/ 1.25: 01 cái
- Thị kính 10x: 01 bộ
- Bao phủ bụi: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ

III. Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Thực hiện được kỹ thuật trường sáng, phản pha
- Kính sử dụng hệ quang học hiệu chuẩn vô cực chống quang sai màu
- Hệ thống quang học được xử lý chống mốc
- Thân kính:

+ Bộ phận điều chỉnh: bao gồm điều chỉnh thô và tinh được thiết kế theo kiểu đồng trục
+ Chính thô: ≥ 4 mm/vòng xoay
+ Chính tinh: ≤ 0.5 mm/vòng quay
+ Khoảng nâng giá đặt mẫu: ≥ 15 mm
+ Mâm gắn vật kính ≥ 5 vị trí có khả năng xoay thuận ngược không giới hạn, xoay ≥ 360 độ
+ Kích thước bàn sa trượt: $\geq 180 \times 130$ mm
+ Khoảng cách di chuyển theo 02 trục X-Y: $\geq 75 \times 30$ mm
+ Có chế độ tiết kiệm điện
+ Tụ quang loại Abbe với khẩu độ mở 1.25 (dầu soi) được chia khẩu độ thích ứng với mỗi độ phóng đại của vật kính sử dụng cho trường sáng, phản pha
- Đầu quan sát:
+ Đầu quan sát tạo góc: ≥ 25 độ
+ Thị kính: $\geq 10X$ có bù Diop, có vành đệm cao su để bảo vệ mắt
+ Vi trường thị kính: ≥ 20 mm
- Vật kính
- Bộ vật kính vô tiêu, khử sắc sai sử dụng cho các kỹ thuật chuyên dùng soi trường sáng
+ Vật kính độ phóng đại 4X hoặc 5X, độ mở $\geq 0,10$ khoảng làm việc ≥ 10 mm
+ Vật kính độ phóng đại 10X, độ mở $\geq 0,25$ khoảng làm việc ≥ 4 mm
+ Vật kính độ phóng đại 20X, độ mở $\geq 0,45$ khoảng làm việc $\geq 0,45$ mm, loại phản pha
+ Vật kính độ phóng đại 40X, độ mở $\geq 0,65$ khoảng làm việc $\geq 0,45$ mm, loại phản pha
+ Vật kính độ phóng đại 100X, độ mở 1,25 (dầu), khoảng làm việc $\geq 0,12$ mm
- Cụm đèn chiếu sáng:
+ Nguồn sáng sử dụng bóng đèn Led có thể điều chỉnh được độ sáng
IV. Yêu cầu khác:
- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại bệnh viện.
- Thời gian bảo hành thiết bị kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng: ≥ 12 tháng.
- Bảo trì miễn phí định kì: 06 tháng/lần hoặc quy định của Nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng trong thời gian bảo hành

- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có bảng chào giá bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế sau thời gian bảo hành.
- Cung cấp đủ giấy tờ theo quy định hiện hành về trang thiết bị y tế (nếu là TBYT)

Phụ lục 2: Mẫu báo giá

(Kèm theo Công văn số **1468** /BVĐKXP-VTTTB ngày **22** tháng **4** năm 2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu Công văn số.... [ghi rõ số Công văn về việc báo giá, ngày tháng, năm] của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

